

BẢN SO SÁNH VÀ THUYẾT MINH

Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2018/TT-NHNN ngày 23/02/2018 của Ngân hàng Nhà nước quy định về cấp Giấy phép, tổ chức và hoạt động của tổ chức tài chính vi mô

1. Sự cần thiết ban hành

Căn cứ quy định tại Luật NHNN, Luật Các TCTD, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, NHNN đã ban hành Thông tư số 03/2018/TT-NHNN ngày 23/02/2018 quy định cấp Giấy phép, tổ chức và hoạt động của tổ chức tài chính vi mô (Thông tư số 03). Qua quá trình tổng kết đánh giá việc thực hiện Thông tư số 03 từ khi ban hành đến nay, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng (CQTGSN) nhận được các ý kiến phản ánh, kiến nghị của các tổ chức TCVM, các đơn vị chủ quản, tổ chức có liên quan về các bất cập, vướng mắc trong thực tiễn và một số đề xuất sửa đổi Thông tư số 03, tập trung vào các vấn đề như khái niệm “khách hàng tài chính vi mô”, “tiết kiệm bắt buộc”, tỷ lệ dư nợ cho vay đối với nhóm đối tượng khách hàng khác, giới hạn cho vay đối với khách hàng TCVM,...

Từ kết quả tổng kết đánh giá việc thực hiện Thông tư số 03, kết quả sơ bộ khảo sát thực tiễn về hoạt động TCVM tại một số địa phương, cùng với các chủ trương, định hướng chiến lược của Chính phủ vừa qua, việc sửa đổi, bổ sung một số quy định tại Thông tư 03 để khắc phục một số bất cập trên thực tiễn nhằm góp phần thúc đẩy sự phát triển TCVM ở Việt Nam, góp phần thực hiện Chiến lược phát triển tài chính toàn diện và hạn chế “tín dụng đen” là hết sức cần thiết.

2. Cơ sở pháp lý

- Luật Các tổ chức tín dụng (đã được sửa đổi, bổ sung);
- + Khoản 5 Điều 20 quy định: “Điều kiện cấp Giấy phép đối với ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô do Ngân hàng Nhà nước quy định.”;
- + Điều 21 quy định: “Ngân hàng Nhà nước quy định cụ thể hồ sơ, trình tự thủ tục đề nghị cấp giấy phép”;
- Điều 24 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định:
“Điều 24. Thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ:
Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ ban hành thông tư để quy định:
1. Chi tiết điều, khoản, điểm được giao trong luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước, nghị định của Chính phủ, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

3. Bảng so sánh các nội dung sửa đổi, bổ sung:

STT	Quy định hiện hành tại Thông tư số 03/2018/TT-NHNN	Quy định tại dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
1	<p>Khoản 6 Điều 3 về giải thích từ ngữ</p> <p>“6. Khách hàng tài chính vi mô là cá nhân thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, cá nhân đại diện cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, doanh nghiệp siêu nhỏ theo quy định của pháp luật.”</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung như sau:</p> <p>“6. Khách hàng tài chính vi mô bao gồm các đối tượng sau:</p> <p>a) Cá nhân thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, cá nhân đại diện hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định của pháp luật;</p> <p>b) Cá nhân có thu nhập thấp; Cá nhân có thu nhập thấp quy định tại Thông tư này là người làm việc tại cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế hoặc lao động tự do, có mức thu nhập không phải đóng thuế thu nhập thường xuyên theo quy định của pháp luật.</p> <p>c) Doanh nghiệp siêu nhỏ theo quy định của pháp luật.</p>	<p>Bổ sung khái niệm về đối tượng “cá nhân có thu nhập thấp” vào đối tượng là “khách hàng TCVM” để các tổ chức TCVM có cơ sở thực hiện và phù hợp với thực tiễn hoạt động của các tổ chức TCVM hiện nay.</p>
2	<p>Khoản 7 Điều 3 về giải thích từ ngữ:</p> <p>“7. Khách hàng khác là cá nhân thuộc hộ gia đình, cá nhân đại diện cho hộ gia đình từng là khách hàng tài chính vi mô của tổ chức tài chính vi mô đó nhưng đã thoát nghèo, cận nghèo.”</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung như sau:</p> <p>“7. Khách hàng khác là cá nhân đã từng là khách hàng tài chính vi mô của tổ chức tài chính vi mô quy định tại điểm a khoản 6 Điều này.”</p>	<p>Việc sửa đổi, bổ sung khái niệm “khách hàng khác” là cá nhân đã từng là khách hàng tài chính vi mô nhằm đảm bảo nguồn vốn hướng tới phân khúc nhóm khách hàng thấp nhất trong nhóm khách hàng “dưới chuẩn” do các tổ chức TCVM cung cấp. Theo đó, nhóm khách hàng này sẽ bao gồm: các cá nhân vẫn đang thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, cá nhân đại diện</p>

			hộ nghèo, hộ cận nghèo và/hoặc các các nhân này đã thoát nghèo nhưng vẫn có nhu cầu vay vốn tài chính vi mô để phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh nhỏ lẻ, đáp ứng nhu cầu cuộc sống hàng ngày.
3	<p>Khoản 8 Điều 3 về giải thích từ ngữ:</p> <p>“8. Tiết kiệm bắt buộc là số tiền mà khách hàng tài chính vi mô phải gửi theo quy định của tổ chức tài chính vi mô. Tổ chức tài chính vi mô có trách nhiệm quy định và phải công bố công khai mức tiền gửi tiết kiệm bắt buộc và mức lãi suất tiết kiệm bắt buộc.”</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung như sau:</p> <p>“8. Tiết kiệm bắt buộc là số tiền mà khách hàng tài chính vi mô phải gửi theo quy định của tổ chức tài chính vi mô và dùng để bảo đảm cho khoản vay của khách hàng (nếu có). Tổ chức tài chính vi mô có trách nhiệm quy định và phải công bố công khai mức tiền gửi tiết kiệm bắt buộc và mức lãi suất tiết kiệm bắt buộc.”</p>	<p>Trên thực tế, khách hàng TCVM của các tổ chức TCVM thường không có tài sản thế chấp hoặc nếu có thì giá trị thường rất thấp, nên các tổ chức TCVM thường áp dụng tiền gửi tiết kiệm bắt như là một hình thức bảo đảm khoản vay. Tiết kiệm bắt buộc trong sản phẩm cho vay được dùng để phản ánh khả năng tích lũy, hình thành tài sản của người đi vay, đồng thời nó còn đóng vai trò như một cơ chế bảo đảm bổ sung cho việc hoàn trả khoản vay. Do đó, việc sửa đổi, bổ sung khái niệm “tiết kiệm bắt buộc” nhằm phù hợp với đặc thù riêng của hoạt động cho vay TCVM của các tổ chức TCVM cũng như nhất quán với quy định tại Luật Các TCTD, đảm bảo tính thống nhất trong việc triển khai văn bản quy phạm pháp luật.</p>

4	<p>Khoản 5 Điều 32 quy định: “5. Tổng dư nợ cho vay của tổ chức tài chính vi mô đối với một khách hàng tài chính vi mô không được vượt quá 50 (năm mươi) triệu đồng. Tổng dư nợ cho vay của tổ chức tài chính vi mô đối với một khách hàng khác không được vượt quá 100 (một trăm) triệu đồng.”</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung như sau: “5. Tổng dư nợ cho vay của tổ chức tài chính vi mô đối với mỗi một khách hàng tài chính vi mô quy định tại điểm a và b khoản 6 Điều 3 Thông tư này không được vượt quá 50 (năm mươi) triệu đồng. Tổng dư nợ cho vay của tổ chức tài chính vi mô đối với mỗi một khách hàng tài chính vi mô quy định tại điểm c khoản 6 và khoản 7 Điều 3 Thông tư này không được vượt quá 100 (một trăm) triệu đồng.”</p>	<p>Việc sửa đổi, bổ sung quy định theo hướng chi tiết hơn về mức cho vay đối với từng nhóm khách hàng TCVM nhằm đảm bảo nguồn vốn cho vay sẽ hiệu quả, hữu ích hơn đối với từng nhóm khách hàng “dưới chuẩn” khác nhau, phù hợp với thực tiễn hoạt động của các tổ chức TCVM.</p>
---	--	---	---